TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 21/7/2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Len
2. Ông Vũ Ngọc Tài

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Đình Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lộc Thị L** - Sinh năm 1993.
Trú tại: Thôn Đ1, xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.
Có đơn xin xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - Trợ giúp viên, trợ giúp pháp lý chi nhánh số 4 thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa.
Có mặt.

Bị đơn: Anh **Vi Văn H** - Sinh năm 1989.
Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2021* và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lộc Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa ngày 24/01/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H không chịu khó lao động, hay uống rượu say rồi đánh đập vợ con. Không chịu được cuộc sống chung với anh H nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 02/3013 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn.

Về con chung, chị L trình bày: Chị và anh H có 01 con chung là Vi Đại H, sinh ngày 18/01/2013, hiện cháu H đang ở với chị và phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H và đề nghị anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản và công nợ: Chị Lộc Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lộc Thị L đề nghị được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Lộc Thị L còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn; Bản sao giấy khai sinh của cháu Vi Đại H; Căn cước công dân của chị L và sổ hộ khẩu gia đình (bản sao có chứng thực); Đơn đề nghị không hòa giải tại xã; Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý; Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí; Đơn đề nghị xác nhận mức thu nhập.

* *Về bị đơn*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày quan điểm về vụ án; Thông báo hòa giải; Thông báo hoãn phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tất cả những lần tống đạt, anh H đều có mặt ở nhà, nhưng không hợp tác, không nhận văn bản tố tụng và không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không có được lấy lời khai của anh H.

* *Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/3/2021,* cháu Vi Đại H trình bày nguyện vọng được ở với chị Lộc Thị L.

* *Tại các biên bản xác minh ngày 04/6/2021*, ông Hà Văn Dụ - trưởng thôn Đ1 và ông Lương Văn Phận - trưởng thôn T, xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa đều trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2011 và tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh H và chị L sống chung tại thôn T, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống,

anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2013 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Về con chung: Chị L và anh H có một con chung là Vi Đại H, sinh năm 2013. Hiện cháu đang ở với chị L và phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ.

Về điều kiện thu nhập: Chị L và anh H đều làm nghề tự do; thu nhập của lao động cùng loại trên địa bàn khoảng 5.000.000 đồng một tháng.

* *Tại phiên tòa:* Chị Lộc Thị L có đơn xin xử vắng mặt. Anh Vi Văn H vẫn không đến tham gia phiên tòa dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Phần tranh luận: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lộc Thị L cụ thể như sau: Đề nghị xử cho chị L được ly hôn anh H. Đề nghị giao cháu Vi Đại H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.500.000 đồng. Về án phí, đề nghị miễn toàn bộ án phí cho chị Lộc Thị L.

* *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lộc Thị L về việc ly hôn và trách nhiệm nuôi con chung. Theo đó, xử cho chị L được ly hôn anh H; chị L được nuôi con chung, buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Về án phí, đề nghị miễn toàn bộ án phí cho chị L và anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn và trách nhiệm nuôi con chung; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Lộc Thị L có đơn xin xử vắng mặt. Anh Vi Văn H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa kèm theo giấy triệu tập đến phiên tòa, nhưng anh H không có mặt theo yêu cầu của Tòa án nên

Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh H.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lộc Thị L và anh Vi Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/01/2011, tại UBND xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, hôn nhân giữa chị L và anh H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2013 đến nay mà vẫn không được giải quyết, chứng đỏ tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng. Việc chị L và anh H đang sống ly thân chứng tỏ đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nghĩ nên cho chị L được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị L về trách nhiệm nuôi con thấy rằng: Chị L đang trực tiếp nuôi cháu Vi Đại H. Nguyện vọng của chị L được trực tiếp nuôi con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Mặt khác, anh H tỏ thái độ không hợp tác, không trình bày cho Tòa án biết về nguyện vọng của anh. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Vi Đại H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đối với yêu cầu của chị L về việc buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mức yêu cầu của chị L thấp hơn ½ mức lương tối thiểu vùng tại địa bàn (vùng IV) và thấp hơn 30% thu nhập bình quân hàng tháng của lao động phổ thông tại địa phương. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị L, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Lộc Thị L là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, chị L và anh H đều là người dân tộc thiểu số ở xã điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nghĩ nên miễn toàn bộ án phí cho chị L và anh H theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; Điều 235; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào: Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lộc Thị L, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Xử cho chị Lộc Thị L được ly hôn anh Vi Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Lộc Thị L trực tiếp nuôi con chung của chị và anh H là cháu Vi Đại H; anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2021 cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi. Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lộc Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Vi Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị L và anh H đều là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí cho chị Lộc Thị L và anh Vi Văn H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;*
- *UBND xã T;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;*
- *Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Lê Đình Huy